



kàn qǐ lai
看起来

verb · seemingly

Example Sentences

tā kàn qǐ lái hěn jǔ sàng
她看起来很沮丧。

She looks very depressed

tā zuì jìn kàn qǐ lái hěn tuī fèi
他最近看起来很颓废。

He looks very decadent recently.

tā zuì jìn kàn qǐ lái hěn yōu yù
他最近看起来很忧郁。

He looks very melancholy recently

Trace each character, then write the word on your own.

看	看	看	看	看	看	看	看	看	看	看
看										

起	起	起	起	起	起	起	起	起	起	起
起	起									

来	来	来	来	来	来	来	来	来	来	来